

Số: 58/2018/QĐST-HNGĐ

Quận 7, ngày 23 tháng 01 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ dân sự thụ lý số 764/2017/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2017 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn” giữa:

Người yêu cầu:

Bà Võ Thị Ngọc B, sinh năm 1991

Địa chỉ: Ấp L, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Tạm trú: 2/15 đường L, Khu phố 2, phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1984

Địa chỉ: Ấp L, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Tạm trú: 258/80 đường D, Phường 2, Quận H, Tp. Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, các Điều 55, 57, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí Tòa án năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội năm 2016;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 15 tháng 01 năm 2018 về việc các đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số: 764/2017/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 15 tháng 01 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:
Bà Võ Thị Ngọc B và ông Nguyễn Văn T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Ngọc B và ông Nguyễn Văn T thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 53, quyển số: 01 do Ủy ban Nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang cấp ngày 30/7/2013 không còn giá trị pháp lý).

- Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Thành T (nam), sinh ngày 19/6/2009 và Nguyễn Ngọc Tú Q (nữ), sinh ngày 25/7/2013.

Các đương sự thống nhất thỏa thuận: Sau khi ly hôn, giao cho bà Võ Thị Ngọc B (là mẹ) trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung là trẻ Nguyễn Ngọc Tú Q (nữ), sinh ngày 25/7/2013. Giao cho ông Nguyễn Văn T (là cha) trực tiếp nuôi dưỡng con chung là trẻ Nguyễn Thành T (nam), sinh ngày 19/6/2009. Bà B và ông T không cấp dưỡng nuôi con.

Bà Võ Thị Ngọc B và ông Nguyễn Văn T được quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về quan hệ tài sản chung: Các đương sự xác định không có

- Về nợ chung: Các đương sự xác định không có

- Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Bà Võ Thị Ngọc B và ông Nguyễn Văn T cùng chịu lệ phí dân sự sơ thẩm đối với việc hôn nhân và gia đình là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được cản trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0024685 ngày 28/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà B, ông T đã nộp đủ lệ phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND Tp. HCM;
- VKSND Quận B;
- C/c THADS Quận B;
- UBND xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(ĐÃ KÝ VÀ ĐÓNG DẤU)

Trần Thị Thu Trang